

Số: 52 /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 8584/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 107/BC-BKTNS ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 9272/UBND-KT ngày 17 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách địa phương như sau:

1. Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2026 là 13.454,9 tỷ đồng. Cụ thể:

- Nguồn vốn XDCB tập trung: 3.767,5 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 9.180 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 450 tỷ đồng.
- Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 57,4 tỷ đồng.

(Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính).

2. Phân cấp quản lý vốn đầu tư

a) Nguồn vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý là 10.879,9 tỷ đồng, gồm:

- Nguồn XDCB tập trung: 2.637,5 tỷ đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối: 7.735 tỷ đồng.

- Nguồn vốn từ nguồn thu XSKT: 450 tỷ đồng.
- Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 57,4 tỷ đồng.

b) Ngân sách cấp xã quản lý đầu tư: 2.575 tỷ đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn XDCB tập trung: 1.130 tỷ đồng.
- Nguồn cấp quyền sử dụng đất: 1.445 tỷ đồng.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công, danh mục chương trình, dự án đầu tư thuộc nhiệm vụ chi đầu tư cấp tỉnh và vốn đầu tư phân cấp cho cấp xã theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các giải pháp thực hiện

Để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tiếp tục thực hiện công tác tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Chính phủ.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên đầu tư và dự kiến phân bổ nguồn vốn cho các ngành, lĩnh vực, chương trình tương ứng với số vốn phân cấp được phân bổ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đất đai, tài nguyên...; có chế tài xử lý nghiêm khắc theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

3. Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ ở các cấp tỉnh, cấp xã. Kiểm tra việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư của các chủ đầu tư, của Ủy ban nhân dân cấp xã để đánh giá hiệu quả đầu tư 6 tháng và hàng năm.

4. Các chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ năm 2026 đẩy nhanh tiến độ thi công và nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao. Tích cực xử lý các vướng mắc phát sinh, rà soát các vướng mắc cụ thể về cơ chế chính sách đã ban hành (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính để xin ý kiến xử lý.

5. Phát huy hơn nữa vai trò người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền địa phương; phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ phụ trách từng dự án, cá thể hóa trách nhiệm để làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; phân công phải bảo đảm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”; thay thế ngay những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém, hạn chế về năng lực và trách nhiệm; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý các hành vi sai phạm, tiêu cực, tham nhũng trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, ĐN.

CHỦ TỊCH
Lâm Đông

PHỤ LỤC

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số **52** /NQ-HĐND ngày **18** tháng **12** năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026					Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
										Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Nguồn bội chi NSDP
	TỔNG SỐ							13.454.900	3.767.500	9.180.000	450.000	57.400		
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH QUẢN LÝ							10.879.900	2.637.500	7.735.000	450.000	57.400		
A.1	Trả nợ vốn vay							90.000	90.000					
A.2	Vốn chuẩn bị đầu tư							50.000	50.000					
A.3	Vốn thực hiện đầu tư							10.739.900	2.497.500	7.735.000	450.000	57.400		
I	Danh mục dự án sử dụng nguồn vốn ODA							221.633	164.233	0	0	57.400		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							221.633	164.233	0	0	57.400		
1	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - Tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Khánh Sơn, Khánh Vĩnh	2021-2025	1333/QĐ-UBND ngày 20/5/2021; 498/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	66.009	61.625	2.000	2.000					
2	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung bộ, tỉnh Ninh Thuận	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bắc Ái, Ninh Sơn, Thuận Bắc, Ninh Hải	2021-2026	945/QĐ-UBND 24/5/2021	143.156	110.898	2.000	2.000					
3	Chống hạn, xói lở và ngập lụt thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	xã Anh Dũng, xã Mỹ Sơn, xã Phước Hậu	2024-2027	137/QĐ-UBND 07/02/2025	945.279	105.577	217.633	160.233			57.400		
II	Nhiệm vụ quy hoạch							40.000	40.000					
III	Bồi thường, hỗ trợ, xây dựng hạ tầng khu tái định cư, khu dân cư							853.508	0	853.508	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							853.508	0	853.508	0	0		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Nguồn bội chi NSDP
1	Cơ sở hạ tầng khu tái định cư Ngọc Hiệp	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Tây Nha Trang	2016-2026	2273/QĐ-UBND ngày 5/8/2016; 3467/QĐ-UBND ngày 13/11/2018; 1480/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4301/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; 3439/QĐ-UBND ngày 14/12/2022; 1653/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	161.748	105.349	56.399		56.399			
2	Khu tái định cư Vạn Thắng - Giai đoạn 1	Ban QLDA Phát triển tỉnh	xã Vạn Thắng, xã Tu bồng	2024-2025	3208/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.385.263	441.700	500.000		500.000			
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Vĩnh Trung - Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	phường Tây Nha Trang và phường Nam Nha Trang	2021-2025	1868/QĐ-UBND ngày 08/8/2023; 2603/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	197.565	90.000	107.565		107.565			
4	Khu tái định cư tại xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang	Ban QLDA ETXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Phường Nam Nha Trang	2017-2025	3241/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1478/QĐ-UBND ngày 24/6/2020; 4063/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 3336/QĐ-UBND ngày 05/12/2022; 3048/QĐ-UBND ngày 11/12/2023; 3326/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	90.343	69.394	20.949		20.949			
5	Di dời và tái định cư khu vực phía đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	xã Vạn Ninh, xã Vạn Thắng	2023-2025	3207/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	258.531	199.384	59.147		59.147			
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Cam Thịnh Đông	UBND xã Nam Cam Ranh	Xã Cam Ranh	2024-2025	1748/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	20.656	5.000	15.656		15.656			
7	Khu tái định cư đường Trần Quý Cáp	UBND Phường Ninh Hòa	phường Ninh Hòa	2021-2025	Số 15743/QĐ-CTUBND ngày 10/12/2021	34.222	11.709	22.513		22.513			
8	Khu dân cư và TĐC Diên An	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2017-2025	541/QĐ-UBND ngày 30/10/2027	121.750	81.922	40.040		40.040			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Nguồn hội chi NSDP
9	Khu tái định cư xã Diên Phú	UBND xã Diên Diên	xã Diên Diên	2021-2025	Quyết định số: 255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; 314/QĐ-UBND ngày 15/12/2022; 343/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	20.910	15.183	5.000		5.000			
10	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng khu dân cư A-T, phường Vĩnh Hải	UBND phường Bắc Nha Trang	phường Bắc Nha Trang	2025-2026	535/QĐ-UBND 07/02/2025	14.044	8.684	5.360		5.360			
11	Khu dân cư bắc đường 16 tháng 4 (từ trục D6-D7) phường Mỹ Bình	UBND phường Đông Hải	Phường Đông Hải	2023-2025	số 2966/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	37.434	35.036	2.000		2.000			
12	Chỉnh trang hạ tầng Khu dân cư sân bóng đá Mỹ Nghĩa, phường Mỹ Đông	UBND phường Đông Hải	Phường Đông Hải	2024-2025	số 4462/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	25.615	19.584	6.031		6.031			
13	Hạ tầng khu dân cư Xóm Lỏ Bảo An (giai đoạn 2)	UBND phường Bảo An	Phường Bảo An	2024-2025	2464/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	2.683	2.335	348		348			
14	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá Lăn xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	UBND xã Thuận Bắc	xã Thuận Bắc	2022-2025	765, 23/6/2022	93.454	61.300	12.500		12.500			
IV	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							664.907	0	214.907	450.000	0	
a	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026</i>							145.907	0	0	145.907	0	
1	Xây dựng mới Trường Trung cấp nghề Diên Khánh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	xã Diên Lạc	2022-2025	3418/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	79.952	62.085	7.000		7.000			
2	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Phường Nam Nha Trang	2006-2025	131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021; 3356/QĐ-UBND ngày 06/12/2022; 2796/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; 2914/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	562.820	249.608	45.000		45.000			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Nguồn XDCB tập trung				Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Nguồn hội chi NSĐP	
3	Trường THPT DTNT Pi Năng Tắc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Bắc Ái Đông	2025-2027	843/QĐ-UBND 20/6/2025	83.613	52.000	31.413			31.413			
4	Trường PT DTNT THCS Ninh Sơn	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn	2025-2027	794/QĐ-UBND 14/6/2025	46.000	29.475	16.525			16.525			
5	Trường THCS Lê Thanh Liêm - Hạng mục: Sửa chữa khối hành chính, khối phòng học; nâng cấp sân trường	UBND phường Nam Nha Trang	Phường Nam Nha Trang	2024-2026	QĐ 3917 02/7/2024	4.491	1.881	2.300			2.300			
6	Trường Tiểu học Suối Hiệp	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Hiệp	2025	Quyết định số 109/QĐ-UBND	38.259	19.774	18.485			18.485			
7	Trường Tiểu học Diên Lạc	UBND xã Diên Lạc	xã Diên Lạc	2024-2025	296/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	34.855	25.491	9.364			9.364			
8	Trường Mầm non Vành Khuyên, xã Suối Cát	UBND Xã Suối Dầu	xã Suối Dầu	2024-2025	914/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	10.776	6.000	4.776			4.776			
9	Trường THCS Hùng Vương (hạng mục: 02 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn).	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	2085, 04/12/2024	2.800	1.800	1.000			1.000			
10	Trường tiểu học Suối Giếng Hạng mục: 03 phòng bộ môn, cơ sở Xóm Đèn 01 phòng học	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	2033, 20/12/2023	3.100	2.000	1.100			1.100			
11	Trường THCS Phước Chiến (02 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn).	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	1954, 12/11/2024	2.800	1.800	1.000			1.000			
12	Trường TH Công Hải, cơ sở Hiệp Kiệt (hạng mục 02 phòng học).	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	1949, 08/11/2024	1.220	800	420			420			
13	Trường TH-THCS Hà Huy Tập (hạng mục 04 phòng học, 02 phòng bộ môn)	UBND xã Ninh Hải	xã Ninh Hải	2025-2026	2076, 03/12/2025	3.900	2.500	1.400			1.400			
14	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	UBND xã Ninh Sơn	xã Ninh Sơn	2025-2026	3590-26/12/2024	7.000	5.607	1.393			1.393			
15	Trường tiểu học Quảng Sơn C 08 phòng	UBND xã Ninh Sơn	xã Ninh Sơn	2025-2026	3517-23/12/2024; 1695/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	6.400	4.965	1.435			1.435			
16	Trường mầm non Hoa Hồng (Nhà đa năng phòng học và khối hiệu bộ)	UBND xã Ninh Sơn	xã Ninh Sơn	2025-2026	3635-28/12/2024	8.490	7.014	1.476			1.476			

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026					Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Nguồn bội chi NSDP		
17	Trường tiểu học Tân Sơn A (6 phòng)	UBND xã Ninh Sơn	xã Ninh Sơn	2025-2026	1483;28/5/2025	4.200	2.380	1.820			1.820			
b	<i>Chưa phân bổ (lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp)</i>							519.000		214.907	304.093			
V	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số							400.000	0	400.000	0	0		
	<i>Chưa phân bổ (lĩnh vực Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số)</i>							400.000		400.000				
VI	Y tế, dân số và gia đình							19.000	19.000	0	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026</i>													
1	Đầu tư hạ tầng để triển khai thí điểm trang bị hệ thống thông tin quản lý bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử (EMR) cho Bệnh viện Ung bướu	Sở Y tế		2025-2026	1383/QĐ-UBND ngày 01/10/2025	13.350	3.500	9.500	9.500					
2	Đầu tư hạ tầng để triển khai thí điểm trang bị hệ thống thông tin quản lý bệnh viện thông minh, bệnh án điện tử (EMR) cho Bệnh viện đa khoa Yersin Nha Trang	Sở Y tế		2025-2026	1368/QĐ-UBND ngày 30/9/2025	13.300	3.500	9.500	9.500					
VII	Giao thông							2.411.447	483.392	1.928.055	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							2.411.447	483.392	1.928.055	0	0		
1	Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh		Phường Bắc Nha Trang; xã Diên Lạc, Diên Điền, Diên Thọ, Suối Hiệp	2023-2027		1.809.756		258.543	0	258.543	0	0		
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua thành phố Nha Trang (cũ) phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	phường Bắc Nha Trang	2023-2027	2010/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	58.543	57	58.543		58.543				

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
										Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Nguồn bội chi NSDP
-	Dự án thành phần 3: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua huyện Diên Khánh (cũ) phục vụ dự án Đường giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	các xã: Diên Diên, Diên Lạc, Suối Hiệp và Diên Thọ	2023-2027	1878/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	434.839	349	200.000		200.000				
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn và Tây Khánh Sơn	2023-2027		1.930.000		159.418	0	159.418	0	0		
-	Dự án thành phần xây lắp thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn và Tây Khánh Sơn	2023-2027	446/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	1.809.107	1.011.411	150.000		150.000				
-	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc Dự án đường giao thông từ QL 27C đến đường tỉnh ĐT.656 tỉnh Khánh Hòa - kết nối với tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Ninh Thuận	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Khánh Vĩnh, xã Khánh Sơn và Tây Khánh Sơn	2024-2025	1864/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	120.399	110.981	9.418		9.418				
3	Đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa		Ninh Hòa - Vạn Ninh	2024-2027		2.031.016		189.953	0	189.953	0	0		
-	Dự án thành phần 1: Dự án xây dựng Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	Vạn Ninh và Ninh Hòa	2024-2027	1790/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	1.705.030	754.000	100.000		100.000				
-	Dự án thành phần 2: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng đoạn qua địa bàn huyện Vạn Ninh phục vụ dự án Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	Trung tâm PTQĐ Khánh Hòa	Vạn Lương, Vạn Hưng	2024-2025	2963/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	230.357	140.404	89.953		89.953				
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	phường Đông Ninh Hòa	2023-2026	182/QĐ-KKT ngày 31/10/2022; 374/QĐ-KKT ngày 15/10/2024	816.173	274.776	290.306		290.306				

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Nguồn bộ chi NSDP
5	Xây dựng mới thay thế 03 cầu: Thác Ngựa, Sông Giang, Sông Chò trên tuyến Tỉnh lộ 8B, huyện Khánh Vĩnh	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Khánh Vĩnh, UBND xã Bắc Khánh Vĩnh, UBND xã Trung Khánh Vĩnh, UBND xã Tây Khánh Vĩnh	2023-2025	1767/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	292.941	103.500	100.000	100.000				
6	Nâng cấp mở rộng đường Quốc lộ 26B, tỉnh Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Phường Ninh Hòa, xã Bắc Ninh Hòa và Phường Đông Ninh Hòa	2024-2025	1049/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	865.474	376.031	460.000		460.000			
7	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 1A - ĐT652B (Quốc lộ 1 đến vòng xoay Ninh Diêm)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	Xã Bắc Ninh Hòa, Phường Đông Ninh Hòa	2024-2027	1167/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	559.408	62.018	100.000	100.000				
8	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Phan Rang	2025-2027	752/QĐ-UBND ngày 08/6/2025	72.000	45.000	26.700	26.700				
9	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Ninh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Phường Đông Hải	2025-2027	780/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	76.805	49.000	27.505	27.505				
10	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Xã Ninh Sơn, Xã Tà Năng	2022-2025	2373/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	1.494.737	1.265.550	229.187	229.187				
11	Nâng cấp, mở rộng Cầu tuyến Tỉnh lộ 1B (đoạn từ nút giao Quốc lộ 26B đến nút giao Tỉnh lộ 1)	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	Ninh Hòa	2023-2026	223/QĐ-KKT ngày 24/7/2024	538.591	230.634	307.957		307.957			
12	Đoạn tuyến đường đầu nối N1 (Khu công nghiệp Đốc Đa Trắng) vào Quốc lộ 1	BQL KKT và KCN tỉnh Khánh Hòa	xã Vạn Hưng	2025-2026	2315/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	21.004	419	20.000		20.000			
13	Cầu qua sông Kim Bông	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Tây Nha Trang	2021-2025	2955/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 3414/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	131.731	39.917	91.814		91.814			
14	Đường ĐX 1 (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến đường Lê Lợi và đường từ đường quy hoạch Huỳnh Thúc Kháng đến đường Phan Bội Châu) và đường Hải Thượng Lãn Ông	UBND xã Vạn Ninh	xã Vạn Ninh	2025-2026	749/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	64.000	443	60.000		60.000			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
										Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	
15	Đường Triệu Quang Phục, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	xã Vạn Ninh	2025-2026	735/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	33.543	20.637	12.363		12.363			
16	Đường Trần Đường, thị trấn Vạn Giã	UBND xã Vạn Ninh	xã Vạn Ninh	2025-2026	1711/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	27.919	335	27.000		27.000			
17	Đường D1 (Tỉnh lộ 2-QL 27C)	UBND xã Diên Lạc	xã Diên Lạc	2022-2025	251/QĐ-UBND 20/12/2021	130.258	106.815	22.701		22.701			
18	Đường Phan Bội Châu (đoạn tiếp giáp phường Cam Thuận đến đường quy hoạch Bà Triệu), phường Cam Phú	UBND phường Cam Ranh	Phường Cam Ranh	2024-2025	2312/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	26.115	2.300	23.000		23.000			
19	Đường D6 - Khu trung tâm đô thị Suối Hiệp	UBND xã Suối Hiệp	Xã Suối Hiệp	2024-2025	số 294/QĐ-UBND ngày 19/12/2024; số 35/QĐ-UBND ngày 25/03/2025	7.000	5.000	2.000		2.000			
20	Xây dựng Cầu Tà Lương	UBND xã Khánh Sơn	xã Khánh Sơn	2024-2025	1038/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	25.000	22.000	3.000		3.000			
VIII	Đề án tổng thể giảm nghèo của 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh giai đoạn 2021-2025							1.000	0	1.000	0	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026</i>							1.000	0	1.000	0	0	
1	Trường THCS Tô Hạp	UBND xã Khánh Sơn	xã Khánh Sơn	2024-2025	4468/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	30.000	27.200	1.000		1.000			
IX	Bảo vệ môi trường (trong đó có bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững)							513.519	80.000	433.519	0	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							513.519	80.000	433.519	0	0	

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT		Nguồn bộ chi NSDP
1	Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Tây Nha Trang	2018-2025	3829/QĐ-UBND ngày 15/12/2017; 782/QĐ-UBND ngày 22/3/2018; 1996/QĐ-UBND ngày 19/7/2022; 3201/QĐ-UBND ngày 22/12/2023; 1550/QĐ-UBND ngày 13/6/2024; 3445/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	759.516	646.565	80.000		80.000			
2	Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Nha Trang	2017-2025	3348A/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 2925/QĐ-UBND ngày 27/10/2020; 2984/QĐ-UBND ngày 02/11/2022; 3199/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.380.313	1.158.697	130.000		130.000			
3	Kè chống sạt lở suối Lương Hòa, thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Phường Bắc Nha Trang	2021-2025	QĐ 7441; 18/12/2020 và các QĐ đ/c 17034 04/11/2021; 6590 19/12/2022; 1041 29/02/2024	48.573	33.891	14.682		14.682			
4	Chỉnh trị hạ lưu sông Tắc (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Giao thông	phường Nam Nha Trang	2024-2027	118/QĐ-UBND ngày 14/01/2025	600.000	105.314	154.389		154.389			
5	Kè chống sạt lở bờ suối thôn Suối G'ềng	UBND xã Công Hải	xã Công Hải	2025-2026	420, 05/4/2023	12.493	4.733	7.760		7.760			
6	Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2022-2025	2447/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	325.000	73.167	80.000	80.000				
7	Kè chống sạt lở bờ Bắc thị trấn Diên Khánh	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2014-2025	1832/QĐ-UBND ngày 27/7/2013; 2686/QĐ-UBND ngày 12/9/2017; 2654/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2884/QĐ-UBND ngày 20/9/2021; 625/QĐ-UBND ngày 01/3/2022; 1046/QĐ-UBND ngày 12/5/2023; 732/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	272.245	257.721	5.000		5.000			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
										Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Nguồn bội chi NSĐP
8	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2018-2025	551/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 217/QĐ-UBND ngày 14/9/2020; 8024/QĐ-UBND ngày 16/7/2021; 87/QĐ-UBND ngày 12/04/2022	80.117	69.065	1.688		1.688				
9	Kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (giai đoạn 2)	UBND xã Diên Khánh	xã Diên Khánh	2022-2025	177/QĐ-UBND ngày 26/7/2022; 1348/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	140.499	100.031	40.000		40.000				
X	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							1.800	1.800	0	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							1.800	1.800	0	0	0		
1	Kiên cố hóa kênh Bà Gương xã Phương Hải	UBND xã Ninh Hải	xã Ninh Hải	2025-2026	463/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	3.000	1.200	1.800	1.800					
XI	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội							427.482	0	427.482	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							427.482	0	427.482	0	0		
1	Công trình mật							427.482		427.482	0	0		
XII	Văn hóa, thể thao							46.050	6.050	40.000	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026</i>							46.050	6.050	40.000	0	0		
1	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Thành cổ Diên Khánh	Ban QLDA Phát triển tỉnh	Diên Khánh	2022-2026	3413/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 1943/QĐ-UBND ngày 30/6/2025; 1812/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	225.549	151.990	40.000		40.000				
2	Tu bổ di tích đình Đảnh Thạnh, xã Bình Lộc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Diên Khánh	2024-2026	1812/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	3.500	950	2.550	2.550					
3	Tu bổ di tích đình Võ Cảnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nha Trang	2024-2025	502/QĐ-UBND ngày 30/7/2025	4.799	1.270	3.500	3.500					
XIII	Quản lý nhà nước							90.000	90.000	0	0	0		
	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026</i>							90.000	90.000	0	0	0		

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026					Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
									Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối	Vốn XSKT	Nguồn hội chi NSDP		
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị 46 Trần Phú	Văn phòng UBND tỉnh	phường Nha Trang	2024-2026	392/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	74.569	23.452	50.000	50.000					
2	Mua sắm máy móc, thiết bị văn phòng Trụ sở làm việc Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban QLDA Phát triển tỉnh		2025-2026	432/QĐ-UBND ngày 25/7/2025	175.328	100.500	40.000	40.000					
XIV	Hạ tầng kỹ thuật							37.722	37.722	0	0	0		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026 và sau năm 2026							37.722	37.722	0	0	0		
1	Nâng cấp lan can bờ sông, bờ biển thành phố Nha Trang	Ban QLDA Phát triển tỉnh	phường Nha Trang và phường Bắc Nha Trang	2022-2025	QĐ 6578 ngày 16/12/2022	29.736	4.868	15.000	15.000					
2	Công viên Thống Nhất, phường Cam Thuận - Cam Linh	UBND phường Cam Linh	Phường Cam Linh	2013-2025	Số: 1381/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; Số: 1205/QĐ-UBND ngày 04/6/2019; Số: 753/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	17.202	12.480	4.722	4.722					
3	Dự án Khu công viên biển Bình Sơn (khu 4,575ha)	UBND phường Đông Hải	phường Đông Hải	2025-2026	số 1015/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	60.000	40.100	18.000	18.000					
XV	Trả nợ quyết toán							30.000	30.000					
XVI	Các nhiệm vụ, chính sách đầu tư công khác theo quy định							1.352.250	578.750	773.500	0	0		
1	Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng (đối với các dự án đã ký hợp đồng vay giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030)							15.000	15.000					
2	Vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh							300.000	300.000					
3	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất của tỉnh Khánh Hòa							1.037.250	263.750	773.500				
XVII	Nguồn vốn chưa phân bổ (ưu tiên các dự án khắc phục hậu quả thiên tai do mưa lũ gây ra)							808.901	808.901					

STT	Dan h mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT
XVIII	Nguồn vốn chưa phân bổ (ưu tiên đầu tư các dự án đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn trở thành thành phố trực thuộc Trung ương)							2.820.681	157.652	2.663.029			
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUẢN LÝ							2.575.000	1.130.000	1.445.000			
1	Phường Nha Trang							37.626	11.276	26.350			
2	Phường Bắc Nha Trang							74.176	11.276	62.900			
3	Phường Tây Nha Trang							102.226	11.276	90.950			
4	Phường Nam Nha Trang							115.878	13.878	102.000			
5	Phường Cam Ranh							69.519	12.144	57.375			
6	Phường Bắc Cam Ranh							136.568	15.613	120.955			
7	Phường Cam Linh							46.176	9.541	36.635			
8	Phường Ba Ngòi							34.908	15.613	19.295			
9	Xã Nam Cam Ranh							57.165	23.420	33.745			
10	Phường Ninh Hòa							140.511	13.011	127.500			
11	Phường Đông Ninh Hòa							43.715	18.215	25.500			
12	Phường Hòa Thắng							28.710	11.710	17.000			
13	Xã Bắc Ninh Hòa							37.835	21.685	16.150			
14	Xã Nam Ninh Hòa							23.732	17.782	5.950			
15	Xã Tây Ninh Hòa							21.216	19.516	1.700			
16	Xã Tân Định							49.578	13.878	35.700			
17	Xã Hòa Trí							14.277	12.577	1.700			
18	Xã Vạn Ninh							21.962	14.312	7.650			
19	Xã Vạn Thắng							22.847	16.047	6.800			
20	Xã Vạn Hưng							20.696	14.746	5.950			
21	Xã Tu Bông							18.614	16.914	1.700			
22	Xã Đại Lãnh							21.216	19.516	1.700			
23	Xã Diên Khánh							31.260	11.710	19.550			
24	Xã Diên Lạc							24.460	11.710	12.750			
25	Xã Diên Điện							22.845	11.710	11.135			
26	Xã Diên Lâm							13.979	10.409	3.570			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT
27	Xã Diên Thọ							19.342	10.842	8.500			
28	Xã Suối Hiệp							22.004	12.144	9.860			
29	Xã Cam Lâm							27.982	17.782	10.200			
30	Xã Suối Dầu							18.545	13.445	5.100			
31	Xã Cam Hiệp							16.171	9.541	6.630			
32	Xã Cam An							38.018	13.878	24.140			
33	Xã Khánh Vĩnh							30.141	19.516	10.625			
34	Xã Nam Khánh Vĩnh							27.637	26.022	1.615			
35	Xã Tây Khánh Vĩnh							29.465	28.190	1.275			
36	Xã Trung Khánh Vĩnh							31.200	29.925	1.275			
37	Xã Bắc Khánh Vĩnh							22.193	17.348	4.845			
38	Xã Khánh Sơn							21.232	16.047	5.185			
39	Xã Tây Khánh Sơn							29.823	29.058	765			
40	Xã Đông Khánh Sơn							27.297	26.022	1.275			
41	Phường Phan Rang							87.377	12.577	74.800			
42	Phường Đông Hải							183.011	13.011	170.000			
43	Phường Bảo An							61.895	13.445	48.450			
44	Phường Đô Vinh							18.163	15.613	2.550			
45	Phường Ninh Chữ							61.877	12.577	49.300			
46	Xã Ninh Hải							37.349	18.649	18.700			
47	Xã Xuân Hải							25.848	17.348	8.500			
48	Xã Vĩnh Hải							53.542	20.817	32.725			
49	Xã Thuận Bắc							25.935	21.685	4.250			
50	Xã Công Hải							22.960	21.685	1.275			
51	Xã Ninh Sơn							25.931	13.011	12.920			
52	Xã Lâm Sơn							25.569	20.384	5.185			
53	Xã Anh Dũng							26.089	25.154	935			
54	Xã Mỹ Sơn							26.990	23.420	3.570			
55	Xã Bắc Ái Đông							29.185	28.190	995			
56	Xã Bắc Ái							32.927	32.094	833			

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2025	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
										Nguồn XDCB tập trung	Vốn thu tiền SDD trong cân đối		Vốn XSKT	Nguồn bội chi NSDP
57	Xã Bắc Ái Tây							37.708	36.646	1.062				
58	Xã Ninh Phước							32.232	17.782	14.450				
59	Xã Phước Hữu							21.668	20.818	850				
60	Xã Phước Hậu							21.182	17.782	3.400				
61	Xã Thuận Nam							29.283	19.083	10.200				
62	Xã Cà Ná							28.381	16.481	11.900				
63	Xã Phước Hà							22.969	22.119	850				
64	Xã Phước Dinh							44.184	20.384	23.800				